

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên hóa chất: Sodium carbonate dodecahydrate

Công thức hóa học: $\text{Na}_2\text{CO}_3 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$

Số CAS: 6132-02-1

Khối lượng phân tử: 286.14 g/mol

MỤC 1: NHẬN DẠNG

- Tên thương mại:** Natri cacbonat 10 nước, Soda lạnh
- Nhà cung cấp:**
Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
MST: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, P. An Hội Đông, TP.HCM
SĐT khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại GHS:**
 - Gây kích ứng mắt (Mục 2A)
- Từ cảnh báo:** CẢNH BÁO
- Câu nguy hại:**
 - H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa tay sau khi thao tác
 - P280: Đeo kính bảo hộ
 - P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa kỹ với nước trong vài phút

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần	Công thức	CAS	Hàm lượng
Sodium carbonate decahydrate	$\text{Na}_2\text{CO}_3 \cdot 10\text{H}_2\text{O}$	6132-02-1	≥95%

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa ra nơi thoáng khí, nếu khó thở gọi cấp cứu
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng nước sạch và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt với nước sạch trong ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Súc miệng, không gây nôn, tham khảo y tế nếu cần

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Chất chữa cháy:** Nước, CO_2 , bột khô, bọt
- Nguy hiểm khi cháy:** Không dễ cháy, nhưng phân hủy ở nhiệt cao sinh CO_2
- Thiết bị bảo hộ:** Mặc đồ bảo hộ, mặt nạ phòng độc trong đám cháy lớn

MỤC 6: ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Rò rỉ nhỏ:** Quét khô hoặc hòa tan rồi trung hòa
- Biện pháp bảo vệ cá nhân:** Đeo găng, khẩu trang tránh bụi
- Ngăn ngừa môi trường:** Tránh để hóa chất trôi vào hệ thống thoát nước

MỤC 7: BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG

- Bảo quản:**
 - Nơi khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp
 - Đóng kín nắp khi không sử dụng
- Sử dụng:**
 - Tránh tạo bụi

- Làm việc nơi thông thoáng

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO HỘ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm:** Không quy định cụ thể
- **Thiết bị bảo hộ:**
 - **Hô hấp:** Khẩu trang bụi nếu thao tác nhiều
 - **Da:** Găng tay cao su
 - **Mắt:** Kính bảo hộ
 - **Quần áo:** Áo phòng thí nghiệm

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, tinh thể màu trắng
- **Mùi:** Không mùi
- **Độ tan:** Dễ tan trong nước
- **pH (1%):** ~10.5 (kiềm nhẹ)
- **Điểm nóng chảy:** Mất nước ở 34 °C
- **Tỷ trọng:** ~1.46 g/cm³

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định:** Ổn định ở điều kiện thường
- **Phản ứng nguy hiểm:** Phản ứng với axit mạnh tạo khí CO₂
- **Tránh tiếp xúc:** Axit mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** 4090 mg/kg
- **Tác động ngắn hạn:** Kích ứng mắt, mũi, da nếu tiếp xúc lâu
- **Tác động dài hạn:** Liều cao có thể gây kiềm hóa máu nhẹ

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính sinh học:** Thấp
- **Tác động môi trường:** Không gây nguy hại đáng kể nếu xử lý đúng cách
- **Khả năng phân hủy sinh học:** Có thể phân hủy

MỤC 13: THÔNG TIN XỬ LÝ CHẤT THẢI

- **Phương pháp xử lý:**
 - Thu gom và xử lý theo quy định chất thải không nguy hại
 - Không xả trực tiếp vào nguồn nước tự nhiên

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không phân loại là hàng nguy hiểm
- **Tên vận chuyển:** Sodium carbonate decahydrate
- **Nhóm đóng gói:** Không áp dụng
- **Quy định vận chuyển:** Bình thường

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- **Phân loại:** Không nằm trong danh mục hóa chất nguy hiểm bắt buộc kiểm soát nghiêm ngặt
 - **Nhãn GHS:**
 - Pictogram:
 - GHS07 – Chất gây kích ứng nhẹ
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 07/07/2025
- **Tài liệu tham khảo:** Sigma-Aldrich, Merck, TCVN 5507:2002
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế